

Bản án số: 781/2022/HC-PT

Ngày 21-9-2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà
nước về đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên.

Ông Nguyễn Văn Tũu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/TLPT-HC ngày
30/5/2022 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà
nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022
của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
1230/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1925 (đã chết).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C:

1. Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1956 (có mặt).
2. Bà Lê Hoàng Như Y, sinh năm 1958 (vắng mặt).
3. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1965 (vắng mặt).
4. Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1970 (vắng mặt).
5. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà Y, ông D, ông L, ông P: Ông Phan
Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C (Theo ăn bản ủy quyền ngày 12/01/2022).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Ch; Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Trường G; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Kỳ Q; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (vắng mặt).

2. Ông Lê Hoàng L, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

3. Bà Lê Hoàng Như Y, sinh năm 1958 (vắng mặt).

4. Ông Quách Văn Th, sinh năm 1946 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người kháng cáo: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C, gồm các ông/bà Lê Hoàng Đ, Lê Hoàng Như Y, Lê Hoàng D, Lê Hoàng L, Lê Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Lê Hoàng C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C trình bày:

Vào khoảng năm 1960, ông C khai phá diện tích 1.650m² tọa lạc tại ấp C, xã T, quận H (nay là Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C). Đến năm 1977, UBND huyện P đã trưng dụng hết phần đất này của ông cùng 25 hộ dân khác để giao cho Công ty Thương nghiệp huyện P. Công ty Thương nghiệp đã xây dựng cửa hàng thực phẩm, thu mua heo hơi trên phần đất thổ cư của ông (ở mé sông) diện tích 118,4m². Năm 1984, UBND huyện P sáp nhập với huyện C. Năm 1990, UBND xã P đã thanh lý cửa hàng thực phẩm trên (bao gồm dàn bao che, cột bê tông, mái lợp tol) cho ông Quách Văn Th. Năm 1993, Nhà nước đã trả lại cho ông một phần trong tổng diện tích 1.650m², chỉ còn diện tích 118,4m² do ông Th sử dụng. Ông Th chỉ mua tài sản trên đất nhưng lại sử dụng luôn diện tích đất này nên ông đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Năm 2002, UBND xã P giải quyết và bác đơn yêu cầu của ông với lý do phần đất này UBND xã P quản lý, đồng thời quy định ông Th không được quyền xây cất mới. Ngày 03/3/2018, ông Th sửa chữa nhà thì gia đình ông có đến

ngăn cản và yêu cầu chính quyền giải quyết.

Ngày 07/8/2019, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 1966/QĐ-UBND (Quyết định số: 1966/QĐ-UBND), không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông, giữ nguyên hiện trạng diện tích 114,9m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19 cho ông Quách Văn Th quản lý, sử dụng. Nhưng trong diện tích 114,9m² có chồng lần 70,2m² (ngang 09m, dài 7,8m) đã được Chủ tịch UBND huyện P giải quyết trả cho ông tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND (Quyết định số: 123/QĐ-UBND) ngày 26/6/2013. Từ đó, ngày 23/10/2020 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 3132/QĐ-UBND (Quyết định số: 3132/QĐ-UBND) điều chỉnh một phần diện tích đất tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND để giữ y Quyết định số: 1966/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện P (Quyết định số: 1966/QĐ-UBND) về việc giao phần đất cho ông Th, làm giảm đi diện tích đất là 77,6m² tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngoài ra, theo Quyết định số: 123/QĐ-UBND thì trên diện tích 490,6m² mà ông được công nhận có phần đất của ông Lê Hoàng L và Lê Hoàng Hoàng Y đã cất nhà ở ổn định. Do diện tích đất giao cho ông Th có chồng lần lên diện tích đất được giao cho ông tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND nên ông yêu cầu hủy Quyết định số: 1966/QĐ-UBND, Quyết định số: 3132/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) do UBND huyện P cấp cho ông Th ngày 12/01/2021; Giữ nguyên Quyết định số: 123/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện P.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Năm 2013, ông Phạm Văn Tr và vợ là bà Nguyễn Thị Q có tranh chấp với ông Lê Hoàng C phần đất tọa lạc tại ấp C, xã P và đã được Chủ tịch UBND huyện P giải quyết tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND, nội dung chính là không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Tr, bà Q, giữ y hiện trạng phần đất 490,6m² cho ông C. Việc giải quyết tranh chấp đất đai tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND là có căn cứ và đang có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, khi giải quyết tranh chấp và ban hành Quyết định số: 123/QĐ-UBND thì diện tích đất 490,6m² trùng lên một phần diện tích đất đang do ông Th quản lý sử dụng từ năm 1990 và phần đất này cũng đang phát sinh tranh chấp giữa ông C và ông Th. Quá trình giải quyết tranh chấp được Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 1966/QĐ-UBND, nội dung không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông C, do phần đất của ông C được UBND huyện trưng dụng vào năm 1977 để xây dựng Công ty Thương nghiệp và phần đất đang tranh chấp là đất ven sông được Công ty Thương nghiệp xây cất Cửa hàng thực phẩm, thu mua heo hơi.

Đến năm 1984 thì huyện P sáp nhập với huyện C và sau đó Công ty Thương nghiệp không còn hoạt động và toàn bộ khu vực này được giao lại cho UBND xã P quản lý. Năm 1990, UBND xã P đã thanh lý Cửa hàng thực phẩm cho ông Th. Ông Th sửa chữa cải tạo làm cơ sở sửa chữa máy nổ và sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 1993, Nhà nước có chủ trương giao trả lại đất cho một số chủ đất cũ và được trả trong phạm vi quy hoạch, trong đó có phần đất của ông C. Riêng khu vực xây dựng Cửa

hàng thực phẩm là phần đất ven sông đã được thanh lý cho ông Th sử dụng, không nằm trong diện tích được giao trả cho ông C. Việc ông C đòi lại đất là không có căn cứ.

Quá trình thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp đất nêu trên thì phát hiện diện tích phần đất ghi tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND có sai lệch một phần nhỏ về vị trí trên thực địa và một phần chồng lấn lên diện tích đất tranh chấp được giải quyết tại Quyết định số: 1966/QĐ-UBND, nên Chủ tịch UBND huyện P mới ban hành Quyết định số: 3132/QĐ-UBND để điều chỉnh một phần diện tích đất cho phù hợp với thực địa và diện tích đất tranh chấp có liên quan, việc điều chỉnh này là có căn cứ. Việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông Th là đúng trình tự, thủ tục và đúng pháp luật quy định.

Vì vậy, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lê Hoàng Y và ông Lê Hoàng L trình bày: Các ông, bà là con ruột của ông C. Xác định các phần đất mà bà Y và ông L đang quản lý sử dụng đều là đất của ông C và được ông C tặng cho. Hiện tại, bà Y và ông L không có tranh chấp với ông C. Bà Y và ông L đều thống nhất với Quyết định số: 123/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện P và đồng ý với ý kiến của ông C, không có yêu cầu nào khác.

Ông Quách Văn Th trình bày:

Phần đất ông đang quản lý sử dụng có diện tích 114,9m² là phần đất ven sông mà trước đây vào khoảng năm 1977 Công ty Thương nghiệp huyện P xây dựng Cửa hàng thực phẩm. Năm 1989 thì Cửa hàng thực phẩm này được huyện giao lại cho UBND xã P quản lý. Năm 1990, UBND xã P đã bán Cửa hàng thực phẩm này cho ông với giá là 4.500.000 đồng và ông sử dụng làm cơ sở sửa chữa máy nổ từ năm 1990 cho đến tháng 03/2018 không có tranh chấp.

Ngày 03/3/2018, khi ông sửa chữa lại nhà thì con ông C là ông L đến ngăn cản. Ngày 22/3/2018, UBND xã P giải quyết việc tranh chấp và không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông C. Ngày 07/8/2019, UBND huyện P đã giải quyết việc tranh chấp giữa ông với ông C tại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số: 1966/QĐ-UBND, giữ y phần đất tranh chấp cho ông và ông đã được cấp giấy CNQSDĐ số: CV 809393 cấp ngày 12/01/2021. Do phần đất trên ông nhận chuyển nhượng từ UBND xã P và đã sử dụng đất với thời gian dài, đã được cấp giấy CNQSDĐ nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh C,

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai 1993; khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai 2003; các Điều 99, 100, 101, 202, 203, 204 của Luật Đất đai 2013 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng C về việc hủy các Quyết định số: 3132/QĐ-UBND ngày 23/10/2020; Quyết định số: 1966/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CV 809393 cấp ngày 12/01/2021 do ông Quách Văn Th đứng tên.

2. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/4/2022, đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C, gồm các ông/bà Lê Hoàng Đ, Lê Hoàng Như Y, Lê Hoàng D, Lê Hoàng L, Lê Hoàng P là ông Phan Hoàng B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Diện tích đất mà UBND huyện P cấp giấy CNQSDĐ cho ông Th có nguồn gốc do ông Lê Hoàng C khai phá từ năm 1960, diện tích 1.650m². Năm 1977, Nhà nước trưng dụng phần đất này. Năm 1993, Nhà nước trả lại cho ông C một phần đất, riêng phần đất diện tích 114,9m² trước đây Nhà nước xây cửa hàng thương nghiệp thì giao cho UBND xã P quản lý. Sau đó, UBND xã đã bán lại cho ông Th phần nhà, tài sản trên đất, không chuyển nhượng đất.

Ngày 20/6/2013, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp giữa vợ chồng ông Phạm Văn Tr, bà Nguyễn Thị Q với ông C, có nội dung: Công nhận cho ông C được quyền sử dụng diện tích 490,6m². Tuy nhiên, ngày 23/10/2020, Chủ tịch UBND huyện P lại ban hành Quyết định số 3132/QĐ-UBND, có nội dung điều chỉnh diện tích nêu tại Quyết định số 123/QĐ-UBND từ 490,6m² còn 413m².

Trong khi vợ chồng ông Tr, bà Q và ông C đều không có khiếu nại Quyết định số 123/QĐ-UBND nhưng Chủ tịch UBND huyện lại tự điều chỉnh diện tích nêu trên đã gây thiệt hại cho ông C. Đồng thời, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND công nhận cho ông Th được quyền sử dụng 114,9m² là không đúng, có một phần chồng lấn lên diện tích đất mà ông C được sử dụng tại Quyết định số 123/QĐ-UBND. Việc UBND huyện tự đo đạc để xác định và công nhận diện tích 114,9m² cho ông Th nhưng người khởi kiện không biết là không đúng. Xác nhận diện tích đất ông Th đang sử dụng trước đây là Công ty Thương nghiệp xây dựng cửa hàng mua heo hơi, hiện trạng không thay đổi. Nhưng UBND xã P chỉ bán tài sản mà không chuyển nhượng diện tích 114,9m² đất.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ông Th trình bày: Năm 1990, ông được UBND xã bán nhà đất, sau đó ông sử dụng cho đến nay. Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có nhà, hiện trạng đến nay không thay đổi. Việc ông được UBND huyện P cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 114,9m² là đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Trước khi ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND thì các cơ quan chuyên môn đã tổ chức đo đạc thực tế diện tích đất mà ông Th đang quản lý. Việc đo này là theo yêu cầu của bà Nh là người đại diện của ông Lê Hoàng C. Việc đo diện tích đất 114,9m² là phù hợp với diện tích đất do ông Th đang sử dụng. Do quá trình đo đạc có sai sót nên Chủ tịch UBND huyện P đã giữ y cho ông C diện tích 490,6m² là không chính xác. Vì vậy, Quyết định số 3132/QĐ-UBND, có nội dung điều chỉnh diện tích nêu tại Quyết định số 123/QĐ-UBND là đúng.

Diện tích 114,9m² ông Th đã được cấp giấy CNQSDĐ, mặc dù có nguồn gốc do ông C khai phá từ năm 1960 nhưng năm 1977 thì Nhà nước đã quản lý. Năm 1993, Nhà nước trả lại một phần đất cho ông C, phần còn lại 114,9m² đã xây cửa hàng thương nghiệp được giao cho UBND xã quản lý và năm 1990 thì UBND xã bán cho ông Th. Ông Th quản lý đến năm 1998 thì ông C mới tranh chấp, đã được giải quyết tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND, trong đó nêu rõ Nhà nước không chấp nhận đòi lại đất của ông C do Nhà nước đã quản lý, thực hiện trong quá trình cải tạo công thương nghiệp và ông C cũng không khiếu nại quyết định này. Vì vậy, việc ông Th được cấp giấy CNQSDĐ là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh C thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Việc kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C là đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 3132/QĐ-UBND, Quyết định số: 1966/QĐ-UBND và việc cấp giấy CNQSDĐ số: CV 809393 của UBND huyện P cho ông Quách Văn Th đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục là đúng quy định tại các Điều 99, 100, 101, 202, 203, 204 của Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng năm 1960, ông C khai phá diện tích 1.650m². Năm 1977, UBND huyện P đã trưng dụng phần đất này để giao cho Công ty Thương nghiệp huyện P xây dựng cửa hàng thực phẩm. Năm 1989, Công ty Thương nghiệp ngừng hoạt động, phần đất trên có cửa hàng thực phẩm của Công ty được giao cho UBND xã P quản lý. Năm 1990, UBND xã P thanh lý toàn bộ cửa

hàng thực phẩm cho ông Th với giá 4.500.000 đồng. Sau đó, ông Th sử dụng làm cơ sở này làm nơi sửa chữa máy nổ. Năm 1993, Nhà nước trả lại một phần đất cho ông C, không bao gồm phần cửa hàng đã thanh lý cho ông Th.

[3.2] Năm 2013, vợ chồng ông Phạm Văn Tr, bà Nguyễn Thị Q và ông C tranh chấp thửa số 01, 02, tờ bản đồ số 19, tại ấp C, xã P. Ngày 20/6/2013, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 123/QĐ-UBND, có nội dung: Bác đơn yêu cầu của ông Tr và bà Q; Giữ nguyên hiện trạng diện tích 490,6m² (ngang 9m, dài 54,5m) cho ông C quản lý, sử dụng, theo bản đồ hiện trạng vị trí trích đo do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2010.

[3.3] Năm 2018, ông C và ông Th tranh chấp diện tích đất do ông Th đang sử dụng. Quá trình giải quyết tranh chấp, cơ quan chuyên môn đã lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 12/10/2018 (bút lục 157, 158), thể hiện: Phần đất do ông Th đang sử dụng là các điểm ký hiệu là M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, một cạnh tiếp giáp sông C, mặt đối diện tiếp giáp phần đất do ông/bà Lê Hoàng P, Lê Hoàng L, Lê Hoàng Như Y sử dụng. Biên bản này có bà Trần Hồng Nh, các ông/bà Lê Hoàng P, Lê Hoàng L, Lê Hoàng Như Y ký xác nhận là chủ đất liền kề. Bản vẽ hiện trạng khu đất phục vụ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Th do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường lập ngày 12/10/2018 (bút lục 151), thể hiện: Diện tích đất ông Th đang sử dụng là 114,9m².

[3.4] Ngày 07/8/2019, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số: 1966/QĐ-UBND, có nội dung: Không chấp nhận việc yêu cầu đòi lại đất của ông C và giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích 114,9m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 19 cho ông Th quản lý, sử dụng, theo bản vẽ hiện trạng khu đất phục vụ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Th do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường lập ngày 12/10/2018.

[3.5] Do sai lệch về vị trí và kích thước so với hiện trạng khi giải quyết tranh chấp đất giữa ông Tr, bà Q và ông C tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND và kết quả đo đạc ngày 12/10/2018 nêu trên. Vì vậy, ngày 23/10/2020 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 3132/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích đất tại Quyết định số: 123/QĐ-UBND là đúng pháp luật, phù hợp với xác nhận của người khởi kiện tại phiên tòa là trên phần đất ông Th đang sử dụng đã có vật kiến trúc được xây dựng từ khi cửa hàng thương nghiệp còn hoạt động, ranh giới không thay đổi.

[4] Như vậy, diện tích 114,9m² đã được nhà nước quản lý từ năm 1977. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất đã được nhà nước quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai 1993, khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai 2003 và các quy định về chính sách đất đai của Luật Đất đai 2013 nên không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất tại Quyết định số: 1996/QĐ-UBND là có căn cứ. Việc UBND huyện P cấp giấy CNQSDĐ cho ông Thôi là đúng pháp luật.

[5] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không có căn cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của

ông Lê Hoàng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người kháng cáo được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai 1993; khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai 2003; Các Điều 99, 100, 101, 202, 203, 204 của Luật Đất đai 2013 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông/bà Lê Hoàng Đ, Lê Hoàng Như Y, Lê Hoàng D, Lê Hoàng L, Lê Hoàng P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng C.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng C về việc:

2.1 Yêu cầu hủy Quyết định số: 3132/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh Quyết định số: 123/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

2.2 Yêu cầu hủy Quyết định số: 1966/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Lê Hoàng C (người được ủy quyền là bà Trần Hồng Nh) với ông Quách Văn Th, phần đất tại Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C..

2.3 Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CV 809393 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Quách Văn Th ngày 12/01/2021.

3. Về án phí: Các ông/bà Lê Hoàng Đ, Lê Hoàng Như Y, Lê Hoàng D, Lê Hoàng L, Lê Hoàng P được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2) (BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương